

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1366* /GDĐT

Quận 1, ngày *07* tháng 12 năm 2022

V/v ban hành tạm thời danh mục trang thiết bị,  
thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế  
của các cơ sở giáo dục

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc;
- Giám đốc Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên;
- Chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực.

Thực hiện Chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Quận 1 về triển khai Công văn số 8553/SYT-NVY ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Sở Y tế về ban hành tạm thời danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế của các cơ sở giáo dục,

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 đề nghị thủ trưởng các đơn vị thực hiện rà soát trang thiết bị, thuốc hiện có và thực hiện bổ sung, bố trí đầy đủ cơ sở thuốc thiết yếu và trang thiết bị tối thiểu cho phòng y tế để đảm bảo hoạt động sơ cấp cứu tại đơn vị theo danh mục thuốc đính kèm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ Phòng Nghiệp vụ Y qua số điện thoại: 3930.998 để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở GDĐT: P.CTTT;
- UBND Q1: PCT/VX;
- Lưu VT, TT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Đức Hạnh Quỳnh**



2

**DANH MỤC THUỐC THIẾT YẾU TẠM THỜI CHO PHÒNG Y TẾ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

(Kèm Công văn số 85/SST-VN/MT của Sở Y tế ngày 29 tháng 11 năm 2022)

| TT  | QĐ 1221 | TÊN THUỐC                                    | ĐƯỜNG DÙNG, HÀM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ                            |
|-----|---------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|     |         | <b>I. THUỐC CẤP CỨU, GIẢI ĐỘC</b>            |                                                                |
| 1.  | 2       | Adrenalin                                    | Tiêm, ống 1mg/ml                                               |
|     |         | <b>II. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT</b>            |                                                                |
| 2.  | 11      | Paracetamol                                  | Uống<br>- gói 80mg, 150mg, 250mg<br>- viên 100mg, 325mg, 500mg |
|     |         |                                              | Thuốc đặt, viên đạn 80mg, 150mg, 300mg                         |
|     |         | <b>III. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG</b>               |                                                                |
| 3.  | 13      | Chlopheniramin                               | Uống, viên 4mg                                                 |
|     |         | <b>VIII. THUỐC KHỬ TRÙNG VÀ TÁY TRÙNG</b>    |                                                                |
| 4.  | 41      | Cồn 70 độ                                    | Dùng ngoài, lọ 60ml                                            |
| 5.  | 42      | Cồn iod                                      | Dùng ngoài, dung dịch 2,5%, lọ 15ml                            |
| 6.  | 43      | Nước oxy già                                 | Dùng ngoài, dung dịch 3%, lọ 15ml, 60ml                        |
| 7.  | 44      | Povidon iod                                  | Dùng ngoài, dung dịch 10%, lọ 15ml                             |
| 8.  |         | NaCl                                         | Dùng ngoài, dung dịch 0.9%, 500ml                              |
|     |         | <b>IX. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA</b>              |                                                                |
|     |         | 2. Thuốc tiêu chảy                           |                                                                |
| 9.  | 47      | Oresol                                       | Uống; gói bột 27,9 g                                           |
|     |         | <b>XI. THUỐC DÙNG CHO MẮT, TAI MŨI HỌNG</b>  |                                                                |
|     |         | 2. Thuốc tai, mũi, họng                      |                                                                |
| 10. | 59      | Natri clorid                                 | Nhỏ mắt: dung dịch 0,9%                                        |
|     |         | <b>XII. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP</b> |                                                                |
|     |         | 1. Thuốc chữa hen                            |                                                                |
| 11. | 61      | Salbutamol                                   | Đường hô hấp, hộp 0,1mg/liều                                   |



3

Phụ lục 2

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ CHO PHÒNG Y TẾ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
(Kèm Công văn số 800/SYT-NVY của Sở Y tế ngày 29 tháng 11 năm 2022)

| TT  | QĐ<br>1221 | TÊN TRANG THIẾT BỊ                                 | ĐƠN VỊ        | SỐ<br>LƯỢNG |
|-----|------------|----------------------------------------------------|---------------|-------------|
|     |            | <b>I. TRANG THIẾT BỊ CƠ BẢN CHO<br/>PHÒNG Y TẾ</b> |               |             |
| 1.  | 1          | Giường bệnh nhân                                   | cái           | 1-5         |
| 2.  | 3          | Bàn khám bệnh                                      | cái           | 1           |
| 3.  | 5          | Huyết áp kế người lớn và trẻ em                    | cái           | 2           |
| 4.  | 6          | Ống nghe bệnh                                      | cái           | 1-2         |
| 5.  | 7          | Nhiệt kế y học                                     | cái           | 5           |
| 6.  | 8          | Cân và thước đo chiều cao phù hợp lứa tuổi         | cái           | 1           |
| 7.  | 9          | Thước dây 1,5 mét                                  | cái           | 1           |
| 8.  | 11         | Găng tay y tế                                      | đôi           | 50 - 100    |
| 9.  |            | Khẩu trang y tế                                    | cái           | 50          |
| 10. | 13         | Xà phòng rửa tay                                   | bánh,<br>chai | 1           |
| 11. | 14         | Cồn sát trùng 70 độ - 60ml                         | lọ            | 5           |
| 12. | 15         | Bàn, ghế làm việc                                  | hộ            | 1-4         |
| 13. | 16         | Tủ lạnh 120 lít                                    | cái           | 1           |
| 14. | 17         | Ghế tựa                                            | cái           | 2-4         |
| 15. | 18         | Tủ đựng hồ sơ                                      | cái           | 1           |
| 16. | 19         | Bảng viết                                          | cái           | 1           |
| 17. | 25         | Thùng đựng nước có vòi                             | cái           | 1           |
| 18. | 26         | Hộp hũy kim tiêm an toàn                           | cái           | 1           |
| 19. | 27         | Bồn rửa tay có vòi nước                            | cái           | 1           |
| 20. | 28         | Thùng đựng rác có nắp                              | cái           | 1           |
| 21. | 29         | Các bộ nẹp chân, tay                               | bộ            | 5           |
| 22. | 30         | Garô cho tiêm truyền và garô cầm máu               | cái           | 5-10        |
| 23. | 31         | Bông, gạc y tế                                     | gói           | 20          |
| 24. | 32         | Căng tay                                           | cái           | 1           |
| 25. | 33         | Băng vết thương y tế                               | cuộn          | 10          |
| 26. | 34         | Tủ đựng thuốc và dụng cụ theo quy định             | cái           | 1           |
| 27. | 35         | Bơm tiêm nhựa dùng 1 lần, loại 1ml                 | cái           | 20          |
| 28. | 36         | Túi chườm nóng lạnh                                | cái           | 1-2         |
| 29. | 39         | Bảng thử thị lực                                   | cái           | 1           |
| 30. | 40         | Đèn pin, pin                                       | cái           | 1-2         |
| 31. | 41         | Đề lưỡi                                            | cái           | 20          |
| 32. | 43         | Băng dính y tế                                     | cuộn          | 2           |





|     |    |                                                                         |      |     |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| 33. |    | Gạc vaseline vô khuẩn                                                   | cái  | 20  |
|     |    | <b>II. TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÓ THỂ BỔ SUNG TÙY QUY MÔ CỦA PHÒNG Y TẾ</b> |      |     |
|     |    | Ngoại khoa                                                              |      |     |
| 34. | 61 | Kéo cắt bông gạc                                                        | cái  | 1-2 |
|     |    | <b>III. TÚI Y TẾ CƠ ĐỘNG</b>                                            |      |     |
| 35. | 74 | Nhiệt kế y học                                                          | cái  | 1   |
| 36. | 76 | Đồ lưỡi                                                                 | cái  | 3   |
| 37. | 78 | Bông, gạc y tế                                                          | gói  | 2   |
| 38. | 79 | Băng vết thương y tế                                                    | cuộn | 2   |
| 39. | 82 | Kéo thẳng từ 145mm                                                      | cái  | 1   |
| 40. | 84 | Túi y tế                                                                | cái  | 1   |

